TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 22-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Viết Phúc.

Ông Nguyễn Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Cẩm V, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976.

+ Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+Bà Ngô Thị C, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm V1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L, bà V, bà C, bà T, chị V1 có mặt; anh H, chị T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Mai L trình bày:

Năm 2021, bà L có tham gia 01 dây hụi do bà Phạm Thị Cẩm V làm đầu thảo. Cụ thể: Hụi mở ngày 05/01/2021 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, gồm 34 phần, bà L tham gia 01 phần. Hụi đã mãn vào ngày 05/9/2023 (âm lịch) nhưng bà L chưa hốt hụi, hụi của bà L là hụi sống nên trừ bà L ra thì giá trị 33 phần hụi là 99.000.000 đồng *(Chín mươi chín triệu đồng)*, trừ đi tiền hoa hồng cho đầu thảo là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, do đó, bà V còn phải trả cho bà L 97.500.000 đồng *(Chín mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

Số tiền hụi bà L đóng cho bà V trong quá trình thực hiện dây hụi là do bà L cấn trừ nợ với anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Thanh T1. Anh H và chị T1 có nợ bà L số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Anh H và chị T1 xin trả dần nên bà L có thoả thuận với anh chị rằng anh chị này sẽ gửi tiền để bà L tham gia phần hụi từ chỗ bà V, nếu đóng hết đến mãn hụi thì coi như trừ số nợ 97.500.000 đồng, anh chị chỉ phải trả thêm cho bà L 2.500.000 đồng nữa là đủ số nợ 100.000.000 đồng.

Bà L tham gia hụi, bà L đóng kỳ đầu tiên bằng tiền của bà L. 11 kỳ tiếp theo, anh H, chị T1 gửi tiền về cho mẹ anh H là bà Ngô Thị C, bà C đưa cho bà L để bà L trực tiếp đóng cho bà V. 05 kỳ tiếp theo, anh H gửi tiền cho em gái anh H là chị Nguyễn Thị Cẩm V1 đóng cho bà V. Sau đó, 16 kỳ còn lại đến khi mãn hụi là bà C đóng cho bà V.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà L giao nộp 01 tờ giấy danh sách hụi viên do bà V lập, trong đó có tên bà L "Mười Là" (tên thường gọi của bà L). Ngoài ra, bà L còn có 02 tờ cam kết, 01 tờ là của bà Ngô Thị C xác nhận ngày 26/8/2022, 01 tờ do bà C và bà Lê Thị T (mẹ của chị Trần Thị Thanh T) cùng cam kết ngày 15/3/2021 có chữ ký của bà V. Nội dung các tờ cam kết là bà C, bà T sẽ đóng hụi thay bà L đến khi hụi mãn.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị Cẩm V trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Liên, bà V không đồng ý. Bà V thống nhất bà V có làm đầu thảo dây hụi như bà L trình bày. Tuy nhiên, bà L chỉ đóng có 01 kỳ đầu tiên, sau đó toàn bộ là chị T1 tham gia. Chị T1 và anh H do có nợ bà V số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, nên anh chị T1ham gia hụi để cấn trừ số nợ của bà V. Cả dây hụi này đến ngày 05/9/2023 (âm lịch) đã mãn, mặc dù chị T1 không hốt hụi nhưng cũng không đóng đủ tiền hụi, nợ bà V số tiền 36.200.000 đồng. Bà V chỉ biết chị T1 là người tham gia hụi từ bà V, chứ bà V không biết bà L.

Đối với Tờ cam kết ngày 15/3/2021 mà bà L cung cấp, bà V hoàn toàn

không có ký tên ghi họ tên vào văn bản này.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị C trình bày:

Bà C có đóng thay phần hụi do bà L tham gia chỗ bà V làm đầu thảo. Do anh H và chị T1 có nợ bà L số tiền 100.000.000 đồng nên hàng tháng sẽ gửi tiền để bà C đóng hụi thay cho bà L. Bà C đóng thay 32 kỳ, trong đó 11 kỳ bà C đưa tiền cho bà L tự đóng, 05 kỳ tiếp theo bà C đưa cho chị Nguyễn Thị Cẩm V1 đóng và 16 kỳ còn lại bà C trực tiếp đóng cho bà V.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Cẩm V1 trình bày:

Chị V1 là em ruột của anh H, chị V1 có nhận tiền từ anh H để đóng hụi cho bà V, chị V1 có đóng 05 kỳ, số tiền và thời gian cụ thể chị V1 không nhớ rõ. Chị V1 chỉ biết là đóng cho anh H để cấn trừ nợ với bà L.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:

Bà T là mẹ của chị Trần Thị Thanh T1. Do chị T1 và anh H có nợ tiền của bà L nên trước đây bà T và bà C có cam kết đóng hụi chỗ đầu thảo là bà V để cấn trừ nợ của anh H, chị T1 với bà L. Bà C nhận tiền từ anh H, chị T1 đóng hụi đến mãn xem như trả xong số nợ 100.000.000 đồng của anh H, chị T1 với bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, chị Trần Thị Thanh T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C, bà T, chị V1 giữ nguyên ý kiến trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H, chị T1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mai L: Bà L yêu cầu bà Phạm Thị Cẩm V trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 97.500.000 đồng.

[2.1] Về chủ thể tham gia giao dịch hụi với bà Phạm Thị Cẩm V: Bà L khởi kiện bà V xuất phát từ giao dịch hụi giữa hai bên vào ngày 05/01/2021 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 34 phần, bà L tham gia 01 phần. Để

chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L đã giao nộp văn bản có tiêu đề "Hụi 3.000.000đ, khu ngày 05/01/2021 (âm lịch) và cho rằng văn bản này là danh sách hụi viên do bà V lập để theo dõi dây hụi mà hai bên đang tranh chấp. Ngoài ra, bà L còn trình bày tên bà L trong danh sách hụi được ghi "Mười Là" tại số thứ tự 09, "Mười Là" là tên thường gọi của bà L và bà L đã đóng kỳ hụi đầu tiên cho bà V; các kỳ hụi tiếp theo xuất phát từ việc thoả thuận giữa bà L với anh Nguyễn Văn H, chị Trần Thị Thanh T1 về việc cấn trừ nợ giữa các bên nên tiền hụi với bà V do bà L, chị V1, bà C lần lượt đóng đến khi hụi mãn. Lời trình bày của bà L chỉ được bà V thừa nhận một phần về thông tin dây hụi và giao dịch hụi ban đầu, bà V thừa nhận bà L có đóng kỳ hụi đầu tiên, nhưng các kỳ tiếp theo đều do bà C và chị V1 đóng để cấn trừ số nợ giữa anh H, chị T1 với bà V. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của hai bên đều xác định anh H, chị T1 là bên có nghĩa vụ phải thanh toán nợ cho cả bà L và bà V, việc anh H, chị T1 thanh toán tiền hụi không có sự thoả thuận thống nhất giữa ba bên nhưng có xác nhận của bên thứ tư là bà C và bà T tại Tờ cam kết ngày 15/3/2021. Bà V phủ nhận chữ ký trong văn bản ngày 15/3/2021 là của bà. Mặc dù vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, người xác lập giao dịch hụi với bà V từ khi khui hụi là bà L; bà V thừa nhận khi bà C, chị V1 đóng tiền hụi đều xác nhận tiền hụi đóng vào phần hụi của bà L; bà V không chứng minh được có sự việc bán hụi từ bà L qua anh H, chị T1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chủ thể tham gia giao dịch hụi với bà V là bà L, không phải anh H, chị T1.

[2.2] Về số tiền đầu thảo có nghĩa vụ thanh toán cho hụi viên: Dây hụi các bên tranh chấp đã mãn vào ngày 05/9/2023 (âm lịch). Bà L cho rằng anh H, chị T1 thanh toán cho bà đến khi hụi mãn, hụi của bà L là hụi sống nên trừ bà L ra thì giá trị 33 phần hụi là 99.000.000 đồng *(Chín mươi chín triệu đồng)*, trừ đi tiền hoa hồng cho đầu thảo là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, do đó, bà V còn phải trả cho bà L 97.500.000 đồng *(Chín mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)*. Tuy nhiên, bà V chỉ thừa nhận hụi đóng được 32 kỳ, kỳ thứ 33 anh H, chị T1 chưa thanh toán 2.500.000 đồng nên thực tế số tiền hụi của dây hụi này chỉ có 95.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc tham gia hụi giữa các bên xuất phát từ sự tin tưởng, chỉ có mỗi danh sách hụi để các bên theo dõi, việc đóng hụi từng kỳ các bên đều thừa nhận hoàn toàn không ký nhận số tiền với nhau. Đồng thời, do được đóng thay nên bà L không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh phần hụi của bà đóng đủ 33 kỳ. Do đó, lời thừa nhận của bà V là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét và xác định số kỳ hụi đã thanh toán của bà L là 32 kỳ.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở một phần được Hội đồng xét xử chấp nhận phần có cơ sở là 95.000.000 đồng *(Chín mươi lăm triệu đồng)* theo quy định tại Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày

19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; phần không được chấp nhận là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận một phần nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà L và bà V là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai L. Buộc bà Phạm Thị Cẩm V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mai L số tiền 95.000.000 đồng *(Chín mươi lăm triệu đồng),* thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai L về việc buộc bà Phạm Thị Cẩm V trả số tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

3. Án phí:

Bà Trần Thị Mai L, bà Phạm Thị Cẩm V được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự còn lại không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm